



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: 024.38252791 - Fax: 024.38256911



CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
DƯỢC LIỆU CHUẨN DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM

Số: 18/2021

TRẠCH TẢ

(*Rhizoma Alismatis*)

SKS: HP0221021

Thân rễ khô đã cạo sạch vỏ ngoài của cây Trạch tả [*Alisma orientalis* (Sam.) Juzep.] họ Trạch tả (Alismataceae) có nguồn gốc Trung Quốc, đã được nghiền thành bột.

I. Mục đích sử dụng

Sử dụng trong phép thử định tính **dược liệu Trạch tả có nguồn gốc Trung Quốc** bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng.

II. Mô tả: Màu nâu hơi vàng.

III. Liên kết chuẩn

Dược liệu chuẩn Trạch tả (NIFDC - Trung Quốc), SKS: 121081 – 201406;

Chất chuẩn 23-acetat alisol B (Chengdu Biopurify Phytochemicals Ltd.), SKS: PRF21040201, HL: 99,8 % ($C_{32}H_{50}O_5$), tính theo nguyên trạng.

IV. Kết quả phân tích

- | | |
|------------------------------------|--|
| 1. Bột | : Thể hiện các đặc điểm bột của dược liệu Trạch tả. |
| 2. Định tính
PP SKLM | : Trên sắc ký đồ của dung dịch thử có vết cùng màu sắc và giá trị R_f với vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu 23-acetat alisol B và có các vết cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu chuẩn Trạch tả. |
| 3. Tro toàn phần | : 2,7 %. |
| 4. Tro không tan trong acid | : 0,1 %. |
| 5. Độ ẩm | : 10,6 %. |

PP sấy (1g, 105°C, 4h)

6. Chất chiết được trong dược liệu : 11,2 %.


PP chiết nóng, dung môi là ethanol 96 %.

7. Định lượng 23-acetat alisol B : 0,157 % ($C_{32}H_{50}O_5$), tính theo dược liệu khô kiệt.

Phương pháp HPLC

V. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng.

VI. Bảo quản: Nhiệt độ 2 - 8 °C, tránh ánh sáng.

Kiểm tra định kỳ		
Đã kiểm tra	Kiểm tra lần sau	Phụ trách khoa (ký)
12/2024	12/2025	

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG



Các thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.org.vn>